TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNCHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bảnán số:**465**/2021/HNGĐ-ST Ngày: 30/11/2021 *V/v Tranh chấp Ly hôn*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Huỳnh Văn Phó**

2.Ông **Nguyễn Đức Duy**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Lương Thị Trà My**-Kiểm sát viên*

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/04/2021 *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10 /2021,Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hứa Anh C**, sinh năm 1972

Địa chỉ: 126/1 ấp C thị trấn TH, CT, tỉnh Tiền Giang

2.Bị đơn: **Võ Thị O** sinh năm 1975

Địa chỉ: 126/1 ấp C thị trấn TH, CT, tỉnh Tiền Giang.

(Anh C có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, chị O vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn anh Hứa Anh C trình bày:

Anh C và chị O chung sống vợ chồng vào năm 1994,có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/1999. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã hiện đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn nên Anh C xin Tòa án giải

quyết ly hôn với chị O.Về con chung có 02 con chung tên Hứa Võ Gia H sinh năm 1999 đã trưởng thành và Hứa Anh D sinh năm 2008, khi ly hôn Anh C đồng ý để chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, Anh C cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn chị Võ Thị O vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các buổi hòa giải và tại phiên tòa, không có bản tự khai cũng như ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của Anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh C và chị O kết hôn vào năm 1994,có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ huyện Cái Nước tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/05/1999. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm hiện đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Do thấy không còn tình cảm nên Anh C làm đơn xin ly hôn với chị O. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị O và Anh C là hôn nhân hợp pháp. Nay, Anh C xin ly hôn với chị O nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Anh C:

Anh C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị O lý do giữa Anh C và chị O phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm hiện đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay,giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa Anh C và chị O đã có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 và đã đến mức trầm trọng, hiện anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Chị O trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án từ giai đoạn hòa giải cho đến khi xét xử đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn chứng tỏ chị O không còn tình cảm và không quan tâm đến Anh C, cũng không có ý kiến hay biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với Anh C. Do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Anh C và chị O là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh C theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: 02 con chung tên là Hứa Võ Gia H sinh năm 1999 đã trưởng thành và Hứa Anh D sinh năm 2008. Khi ly hôn Anh C đồng ý giao cháu D cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi.Xét thấy từ khi ly thân cho đến nay cháu D sống với chị O được chị O chăm sóc tốt, nguyện vọng của cháu D là được sống với chị O khi cha mẹ ly hôn, do đó giao cháu D cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện cho cháu D phát triển toàn diện về tinh thần và thể chất và không làm ảnh hưởng cuộc sống ổn định của cháu D. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là

cháu D hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của Anh C.

Về tài sản chung: Anh C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh C trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí:

Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án,đề nghị áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh C về việc xin ly hôn với chị O, về con chung đề nghị giao con chung là cháu D cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu D hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi,về tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Hứa Anh C: cho anh Hứa Anh C được ly hôn với chị Võ Thị O.

- Về con chung:

Giao cháu Hứa Anh D sinh năm 2008 cho chị Võ Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, Anh C cấp dưỡng nuôi con chung là cháu D hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thực hiện khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi, lao động được.

Sau khi ly hôn, Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Anh C đã nộp theo biên lai thu số 0004160 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như Anh C đã nộp xong án phí.

Anh C,chị O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xã Phú Mỹ, Cái Nước, Cà Mau
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.